

Số: ~~439~~4/QĐ-UBND

Thanh Hoá, ngày ~~29~~ tháng 6 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/2000 khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao tỉnh Thanh Hoá, đến năm 2020

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HOÁ

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật quy hoạch đô thị số 30/2009/QH12 ngày 17/6/2009; Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 08/2005/NĐ-CP ngày 24/01/2005 của Chính phủ về quy hoạch xây dựng; Thông tư số 07/2008/TT-BXD ngày 7/04/2008 của Bộ Xây dựng về việc hướng dẫn lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 10/2010/TT-BXD ngày 11/08/2010 của Bộ Xây dựng quy định hồ sơ của từng loại quy hoạch đô thị;

Căn cứ Quyết định số 03/2008/QĐ-BXD ngày 31/03/2008 của Bộ Xây dựng về việc quy định nội dung thể hiện bản vẽ, thuyết minh đối với nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 575/QĐ-TTg ngày 04/05/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt quy hoạch tổng thể khu và vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao đến năm 2020, định hướng đến năm 2030.

Xét đề nghị của Sở Nông nghiệp và PTNT Thanh Hóa tại Tờ trình số 68/TTr-SNN&PTNT ngày 07/04/2015, theo đề nghị của Sở Xây dựng tại Tờ trình số 2158/SXD-QH ngày 08/05/2015 về việc Phê duyệt Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/2000 khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao tỉnh Thanh Hoá, đến năm 2020,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/2000 khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao tỉnh Thanh Hoá, đến năm 2020 với các nội dung chính như sau:

1. Mục tiêu, nhiệm vụ

1.1. Mục tiêu:

- Xây dựng khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao tỉnh Thanh Hoá trở thành khu vực phát triển năng động, nhanh và bền vững, là một đầu cầu quan trọng của tỉnh trong giao lưu hợp tác quốc tế;

- Cụ thể hoá chủ trương hình thành khu sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao trong tỉnh Thanh Hoá cũng như khu vực Bắc Trung Bộ; thúc đẩy công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp, nông thôn.

- Phát triển Khu sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao theo hướng bền vững, có khả năng cạnh tranh cao, đáp ứng linh hoạt các nhu cầu phát triển trong nền kinh tế thị trường và bối cảnh hội nhập quốc tế. Xây dựng ngành nông nghiệp thành ngành kinh tế - kỹ thuật công nghệ cao, tạo ra một số sản phẩm chủ lực, khai thác tiềm năng, thế mạnh phục vụ phát triển KTXH tỉnh Thanh Hóa.

1.2. Nhiệm vụ:

- Luận chứng xác định về tính chất, chức năng, nhu cầu đất đai, quy chuẩn và các chỉ tiêu kỹ thuật chủ yếu;

- Đánh giá, lựa chọn quỹ đất xây dựng; quy hoạch phân khu chức năng và sử dụng đất cho từng giai đoạn;

- Định hướng phát triển không gian kiến trúc cảnh quan; định hướng phát triển hệ thống hạ tầng kỹ thuật khu nông nghiệp, đô thị;

- Xác lập các dự án ưu tiên đầu tư và phân kỳ đầu tư xây dựng.

2. Phạm vi, ranh giới lập quy hoạch

2.1. Phạm vi, ranh giới:

- Phía Bắc: Giáp Cảng hàng không Thọ Xuân; đây là khu đất của xã Xuân Sơn, huyện Thọ Xuân (bao gồm thôn Thành Sơn, thôn Đồng Đình, và 1 phần đất đội 15 của Công ty TNHH Lam Sơn - Sao Vàng);

- Phía Nam: Giáp đường liên xã của xã Thọ Sơn nối với quốc lộ 47 tại ngã 3 Xuân Thắng; đây là khu đất của xã Thọ Sơn, huyện Triệu Sơn;

- Phía Đông: Giáp xã Thọ Ngọc và xã Thọ Cường của huyện Triệu Sơn;

- Phía Tây: Giáp khu đất dự trữ phát triển đô thị Lam Sơn - Sao Vàng.

2.2. Diện tích lập quy hoạch: khoảng 1000 ha, thuộc ranh giới 3 xã Xuân Sơn, Xuân Thắng (huyện Thọ Xuân) và xã Thọ Sơn, huyện Triệu Sơn.

3. Tính chất, chức năng

- Là khu vực thực hiện các hoạt động nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao quy trình công nghệ sản xuất chế biến nông sản và tổ chức sản xuất ứng dụng công nghệ trong lĩnh vực nông nghiệp, phát triển nông thôn ứng dụng công nghệ cao trong tương lai;

- Là khu sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao của tỉnh Thanh Hóa và khu vực Bắc Trung Bộ với những loại hình sản xuất như: Rau an toàn, hoa, mía đường, cây lâm nghiệp, chăn nuôi bò thịt, chăn nuôi lợn và chăn nuôi gia cầm.

4. Quy hoạch sử dụng đất

Tổng diện tích nghiên cứu quy hoạch 1.000 ha

STT	LOẠI ĐẤT	DIỆN TÍCH (ha)	TỶ LỆ (%)
	TỔNG CỘNG	1.000,00	100,00
I	ĐẤT KHU TRUNG TÂM	200,00	20,00
1	ĐẤT KHU TT HÀNH CHÍNH	1,78	0,18
2	ĐẤT KHU NCUD, THỬ NGHIỆM	34,27	3,43
3	ĐẤT KHU ĐT, CHUYÊN GIAO CN	23,78	2,38
-	Đất TT đào tạo và hợp tác QT	3,76	0,38
-	Đất trung tâm uơm tạo	2,72	0,27
-	Đất trung tâm dịch vụ	4,33	0,43
-	Đất siêu thị buôn bán nông sản	4,85	0,49
-	Đất bảo quản, chế biến nông sản	8,12	0,81
4	ĐẤT ĐẦU TƯ SẢN XUẤT NN	102,54	10,25
5	ĐẤT DÂN CƯ CẢI TẠO	6,44	0,64
6	ĐẤT HỒ CẢNH QUAN	3,89	0,40
7	ĐẤT XỬ LÝ RÁC THẢI	2,00	0,20
8	ĐẤT CÂY XANH - CẢNH QUAN	2,06	0,21
9	ĐẤT G.THÔNG VÀ CT PHỤ TRỢ	22,79	2,28
II	ĐẤT NGOÀI KHU TRUNG TÂM		80,00
1	ĐẤT CƠ QUAN, CTCC	0,24	0,024
2	ĐẤT TRUNG TÂM VH, TT	2,81	0,28
3	ĐẤT DÂN CƯ	207,27	20,73
4	ĐẤT SẢN XUẤT NNƯDCNC	485,40	48,54
-	Đất trồng rau	161,45	16,15
-	Đất trồng mía	127,66	12,77
-	Đất trồng hoa, cây cảnh	42,02	4,20
-	Đất trồng cây lâm nghiệp	103,07	10,31
-	Đất khu chăn nuôi	51,2	5,12
5	ĐẤT MẶT NƯỚC CHUYÊN DỤNG	44,26	4,43
6	ĐẤT HỒ ĐIỀU HOÀ	4,59	0,46
7	ĐẤT NGHĨA ĐỊA	2,26	0,23
8	ĐẤT GIAO THÔNG	53,17	5,32

5. Phân khu chức năng và tổ chức không gian, kiến trúc, cảnh quan

5.1. Khu trung tâm: Khu trung tâm được bố trí hai bên Quốc lộ 47, với tổng diện tích nghiên cứu 200 ha. Bao gồm: Khu trung tâm hành chính; Khu nghiên cứu ứng dụng, thử nghiệm và trình diễn mô hình sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao; Khu đầu tư sản xuất sản phẩm nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao; Khu đào tạo, chuyển giao công nghệ, trình diễn và giới thiệu sản phẩm nông nghiệp công nghệ cao; Khu xử lý chất thải và khu vực cây xanh, hồ cảnh qua và các công trình phụ trợ khác. Trong đó:

5.1.1. Khu trung tâm hành chính: Bố trí toàn bộ về phía Nam đường Quốc Lộ 47. Với diện tích 1,78 ha.

5.1.2. Khu nghiên cứu ứng dụng, thử nghiệm và trình diễn mô hình sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao: Bố trí cạnh khu đào tạo, chuyển giao công nghệ, trình diễn và giới thiệu sản phẩm nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao với diện tích 34,27 ha.

5.1.3. Khu đào tạo, chuyển giao công nghệ, trình diễn và giới thiệu sản phẩm nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao: Bố trí cạnh Khu trung tâm hành chính, với diện tích 23,78 ha. (trong đó: Trung tâm dịch vụ 4,33 ha; Trung tâm Ươm tạo Doanh nghiệp NNCNC 2,72 ha; Trung tâm Đào tạo và Hợp tác quốc tế 3,76 ha; Khu bảo quản, chế biến và tiêu thụ sản phẩm nông sản công nghệ cao 12,97 ha).

5.1.4. Khu đầu tư sản xuất sản phẩm nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao: Bố trí về hai phía của Quốc lộ 47, nằm về phía Đông của khu trung tâm hành chính, với diện tích 102,54 ha.

5.1.5. Khu xử lý chất thải: Bố trí cạnh Khu đầu tư sản xuất sản phẩm nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao với diện tích 2,0 ha.

5.1.6. Khu dân cư cải tạo, cây xanh, hồ cảnh quan, hệ thống giao thông và các công trình phụ trợ khác 35,18ha.

5.2. Khu sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao

5.2.1. Vùng sản xuất rau an toàn ứng dụng công nghệ cao: Quy mô 161,45 ha tại khu đồng Giếng, đồng Vọt, đồng Con Tôm, đồng Bà Nghĩa, đồng Cỏ Đào (thôn Đồng Đình – xã Xuân Sơn – Thọ Xuân) và thôn 1,2,3 (xã Thọ Sơn – Triệu Sơn).

5.2.2. Vùng sản xuất hoa, cây cảnh ứng dụng công nghệ cao: Quy mô 42,02ha tại đồi Thanh Niên (thôn 13 - xã Xuân Sơn – Thọ Xuân).

5.2.3. Vùng sản xuất mía đường ứng dụng công nghệ cao: Quy mô 127,66 ha tại khu Đồng hồ Rung Ring, đồi Công Đoàn, đồng Đền 1 (thôn Đồng Đình – Xuân Sơn – Thọ Xuân) và đồng Cỏ Kê, đập Anh Trường, đồng Đền, đồi Đội 14, 15, 16, 17, 18, đồi Mã Hùi (thôn Thành Sơn – Xuân Sơn – Thọ Xuân).

5.2.3. Vùng sản xuất cây lâm nghiệp ứng dụng công nghệ cao: Quy mô 103,07ha tại đồi Ông Thọ, đồi Đội 13, 14 (xã Xuân Thắng – Thọ Xuân) và đồi Thôn 4 (xã Thọ Sơn – Triệu Sơn).

5.2.5. *Khu chăn nuôi tập trung ứng dụng công nghệ cao*: Quy mô 51,2 ha. Bao gồm: Khu chăn nuôi bò thịt; khu chăn nuôi lợn và khu chăn nuôi gia cầm, trong đó:

- Diện tích xây dựng trang trại chăn nuôi: 12,27 ha, tại khu vực thôn 4, xã Thọ Sơn, huyện Triệu Sơn.

- Diện tích xây dựng đồng cỏ phục vụ chăn nuôi: 38,93 ha, tại đồng Chùa Hang, đồng Do Thái (xã Xuân Sơn – Thọ Xuân) và đồng Thâm Canh, đồng Ao Bèo (xã Xuân Thắng – Thọ Xuân).

5.3. *Khu dân cư nông thôn*: Trên cơ sở các khu dân cư hiện hữu tại các xã: Xuân Sơn, Xuân Thắng, Thọ Sơn được giữ nguyên và được tổ chức cải tạo, nâng cấp các công trình hạ tầng kỹ thuật cho khu vực.

6. Quy hoạch mạng lưới hạ tầng, kỹ thuật

6.1. Quy hoạch giao thông:

6.1.1. Giao thông đối ngoại:

Mạng lưới giao thông khu Nông nghiệp Công nghệ cao cơ bản tuân thủ khung giao thông đã được quy hoạch trong các quy hoạch liên quan, bao gồm: Quốc lộ 47, tuyến đường nối Cảng hàng không Thọ Xuân với Khu kinh tế Nghi Sơn, tuyến đường từ Quốc lộ 47 đi Cảng hàng không Thọ Xuân, tuyến đường từ phía Nam tỉnh Ninh Bình đi Cảng hàng không Thọ Xuân, tuyến vành đai phía Đông Bắc đô thị Lam Sơn - Sao Vàng, tuyến vành đai phía Nam khu đô thị Lam Sơn - Sao Vàng.

6.1.2. Giao thông nội bộ:

- Tuyến chính số 1 có chiều rộng mặt cắt đường 29 m, trong đó bề rộng mặt đường $2 \times 9 = 18\text{m}$; vỉa hè rộng $2 \times 5 = 10\text{m}$;

- Tuyến chính số 14 có chiều rộng mặt cắt đường 29m, trong đó bề rộng mặt đường 15m, vỉa hè 2 bên $2 \times 5 = 10\text{m}$;

- Tuyến chính số 13 có chiều rộng mặt cắt đường 25m, trong đó bề rộng mặt đường 15m, lề đường 2 bên rộng $2 \times 5 = 10\text{m}$;

- Các tuyến còn lại có chiều rộng mặt cắt đường 14m, trong đó bề rộng mặt đường 8m, lề đường 2 bên rộng $2 \times 3 = 6\text{m}$.

6.2. *Quy hoạch san nền*: Quy hoạch san nền đối với khu chức năng trung tâm Khu Nông nghiệp Công nghệ cao với diện tích 200 ha trên nguyên tắc:

- Bám sát địa hình tự nhiên để giảm khối lượng san lấp, giảm chi phí đầu tư;
- Tạo mái dốc hợp lý để thuận tiện cho việc thoát nước mặt sau này;
- Độ dốc dọc đường được thiết kế phù hợp đúng theo quy chuẩn, tiêu chuẩn hiện hành, đảm bảo giao thông và thoát nước mưa thuận lợi;
- Khối lượng đào đắp cơ bản cân bằng; sử dụng vật liệu tại chỗ.

6.3. Quy hoạch thoát nước:

- Đối với mạng lưới thoát nước trong khu vực trung tâm: Sử dụng các cống tròn BTCT bố trí đi ngầm theo các tuyến đường giao thông, thu gom toàn bộ nước mặt khu trung tâm và xả ra nguồn tiếp nhận là sông Nhà Lê;

- Đối với việc thoát nước mặt trên các tuyến đường: sử dụng rãnh thoát nước bố trí 2 bên đường và đổ về phía sông Nhà Lê;

- Hướng thoát nước mưa cục bộ trong tiểu khu theo độ dốc địa hình san nền.

6.4. Quy hoạch cấp nước:

6.4.1. Cấp nước sinh hoạt:

- Chỉ tiêu cấp nước:

+ Cấp nước sinh hoạt: 100l/người.ngđ; Cấp nước khu trung tâm chức năng: 45m³/ha; Lưu lượng nước thất thoát: 8% lưu lượng cấp nước.

- Nhu cầu và nguồn cấp nước:

+ Tổng nhu cầu lượng nước cần $Q = 1.685 \text{ m}^3/\text{ngđ}$;

+ Nguồn cấp: Được lấy từ nhà máy cấp nước của đô thị Lam Sơn – Sao Vàng, công suất 54.000m³/ngđ;

+ Mạng lưới cấp: Gồm một đường ống chính D200 đầu nối vào mạng lưới cấp nước của đô thị Lam Sơn - Sao Vàng và các đường ống phân phối cấp nước đến nơi tiêu thụ.

6.4.2. Cấp nước sản xuất:

a) Phân vùng cấp nước: Gồm 4 tiểu vùng

- Tiểu vùng 1.1 và tiểu vùng 1.2 nằm về phía Bắc của quốc lộ 47;

- Tiểu vùng 2.1 và tiểu vùng 2.2 nằm về phía Nam của quốc lộ 47.

b) Các chỉ tiêu và thông số kỹ thuật

- Tần suất tính toán:

+ Thủy văn: lượng nước đến tại tuyến cân bằng, lượng mưa trong tính toán tưới tần suất 75%;

+ Thủy nông: nhu cầu nước tưới, hệ số tưới mặt ruộng tần suất 75%;

+ Dòng chảy môi trường tính với $P = 90\%$ tháng mùa kiệt;

+ Hệ số tưới cây ăn quả, cây dược liệu và rau màu các loại: $q = 0,45 \text{ l/s.ha}$.

- Hệ số kênh mương: Căn cứ tình trạng địa chất nơi xây dựng công trình, hiện trạng sử dụng của các công trình trong vùng nghiên cứu, chọn hệ số sử dụng kênh mương như sau:

+ Hiện tại (kênh đất): $\eta = 0,55 \div 0,60$;

+ Tương lai (kênh xây): $\eta = 0,75$.

c) Phương án cấp nước và quy mô công trình

* Đối với tiểu vùng 1.1:

- Lưu lượng thiết kế đầu mối $Q_{TK} = 0,112 \text{ m}^3/\text{s}$.

- Nguồn cấp nước lấy từ sông Nhà Lê theo tính toán với tần suất P=75% có lưu lượng nước các tháng mùa kiệt từ (0,276÷ 0,727) m³/s.

* Đối với tiêu vùng 1.2:

- Lưu lượng thiết kế đầu mối Q_{TK} = 0,0778 m³/s, lấy từ nguồn nước chi giang C₆ hệ thống tưới Bái Thượng;

- Nguồn cấp: Lấy từ kênh Chi Giang C₆, hồ Rung Rinh và hồ Điều hòa

* Đối với tiêu vùng 2.1:

- Lưu lượng thiết kế đầu mối Q_{TK} = 0,111 m³/s;

- Nguồn nước tưới lấy từ chi giang C₆ (cao trình mực nước +11,0) hệ thống tưới Bái Thượng;

* Đối với tiêu vùng 2.2:

- Lưu lượng đầu mối Q_{TK} = 0,065 m³/s;

- Nguồn nước tưới lấy từ chi giang C₆ (cao trình mực nước +13,0) hệ thống tưới Bái Thượng và nguồn nước từ liên hồ Ngô Công - Đồng Cỏ;

6.5. Cấp điện:

6.5.1. Chỉ tiêu cấp điện:

- Cấp điện sinh hoạt: 330W/người.ngđ; Cấp điện sản xuất nông nghiệp: 0,4 KW/ha; Cấp điện khu chức năng trung tâm: 200KW/ha.

6.5.2. Nguồn cấp điện:

- Nguồn điện được lấy từ trạm biến áp 110KV trong đô thị Lam Sơn – Sao Vàng bằng tuyến dây 22KV.

Bố trí 11 trạm biến áp trong vùng quy hoạch công suất 560KVA, 4 trạm công suất 400 KVA và 3 trạm công suất 250 KVA.

6.6. Xử lý chất thải rắn: Bố trí hệ thống thu và xử lý chất thải rắn trong toàn khu vực.

6.7. Môi trường chiến lược: Đề xuất các giải pháp giải quyết các vấn đề môi trường còn tồn tại trong đồ án quy hoạch; Đề xuất biện pháp quản lý, giám sát môi trường khu vực.

7. Danh mục dự án ưu tiên đầu tư

- Thu hồi, đền bù, giải phóng mặt bằng xây dựng khu trung tâm;
- San lấp mặt bằng khu trung tâm;
- Dự án đầu tư 14 đường thuộc khu trung tâm;
- Dự án đầu tư đường thuộc khu sản xuất;
- Dự án đầu tư đường dây – trạm biến áp;
- Dự án hệ thống cấp nước sạch khu trung tâm;
- Dự án đầu tư cải tạo hồ Rung rinh;
- Dự án đầu tư hệ thống cấp nước sản xuất;
- Dự án đầu tư xây dựng khu trung tâm;

- Dự án đầu tư vùng phát triển vùng sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

- Phối hợp với Sở Xây dựng, UBND huyện Thọ Xuân, Triệu Sơn và các đơn vị có liên quan công bố rộng rãi nội dung quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/2.000 khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao tỉnh Thanh Hóa đến năm 2020;

- Chủ trì, phối hợp với các ngành có liên quan theo dõi, hướng dẫn các địa phương tổ chức quản lý và thực hiện quy hoạch đã được UBND tỉnh phê duyệt;

- Lập chương trình, dự án ưu tiên đầu tư hàng năm và dài hạn, xác định các biện pháp thực hiện quy hoạch trên cơ sở huy động mọi nguồn vốn đầu tư trong và ngoài nước bằng các cơ chế chính sách quy định hiện hành của Nhà nước.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư

- Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các cơ quan có liên quan xây dựng văn bản hướng dẫn cụ thể về mức hỗ trợ đầu tư từ ngân sách nhà nước, điều kiện, trình tự thủ tục hưởng ưu đãi hỗ trợ đầu tư xây dựng khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.

- Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính tổng hợp, cân đối vốn đầu tư phát triển từ nguồn ngân sách nhà nước để thực hiện Quy hoạch, trình cấp có thẩm quyền quyết định theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước; thẩm tra hỗ trợ đối với khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao được đầu tư hỗ trợ từ ngân Nhà nước.

3. Sở Tài chính

- Chủ trì, hướng dẫn các ưu đãi về thuế đối với doanh nghiệp đầu tư vào khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao theo quy định tại Luật Công nghệ cao; hướng dẫn thanh toán, quyết toán các khoản hỗ trợ theo quy định.

- Thực hiện theo dõi, kiểm tra việc hỗ trợ kinh phí đầu tư xây dựng khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.

4. Sở Khoa học và Công nghệ: Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành xây dựng cơ sở dữ liệu, hạ tầng thông tin về công nghệ cao nói chung và phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao nói riêng; tổ chức, tham gia hội chợ, triển lãm sản phẩm nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.

5. Sở Xây dựng: Chủ trì phối hợp với các Sở, ngành và địa phương thẩm định nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng chi tiết 1/2000 khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.

6. Sở Tài nguyên và Môi trường: Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành và Ủy ban nhân dân huyện Thọ Xuân, Triệu Sơn trong việc hướng dẫn thực hiện các quy định, giải quyết các khó khăn, vướng mắc về giao đất, cho thuê đất, quản lý tài

nguyên và môi trường liên quan đến hoạt động đầu tư, giải quyết kịp thời các thủ tục về đất đai, tài nguyên và môi trường, đảm bảo thuận lợi cho nhà đầu tư.

7. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội: Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành thẩm định các hồ sơ có liên quan đến việc thực hiện hỗ trợ đào tạo lao động, dạy nghề cho lao động trong khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao tỉnh Thanh Hóa.

8. Sở Công Thương: Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành thẩm định các hồ sơ có liên quan đến việc thực hiện hỗ trợ xúc tiến thương mại.

9. Trung tâm Xúc tiến đầu tư Thương mại và Du lịch Thanh Hóa: Chịu trách nhiệm là cơ quan đầu mối trong việc hướng dẫn, hỗ trợ nhà đầu tư tìm hiểu, hoàn chỉnh hồ sơ, thủ tục và triển khai thực hiện dự án đầu tư; thẩm định trình duyệt chủ trương, địa điểm và chứng nhận đầu tư theo quy định.

10. Cục Thuế tỉnh: Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành hướng dẫn các thủ tục và giải quyết các khó khăn, vướng mắc trong việc miễn, giảm thuế; miễn, giảm tiền sử dụng đất, tiền thuê đất theo quy định của pháp luật cho nhà đầu tư được hưởng ưu đãi.

11. Các Sở, ban, ngành và các cơ quan có liên quan: Theo chức năng, nhiệm vụ và phạm vi quản lý của mình có trách nhiệm phối hợp với Trung tâm Xúc tiến đầu tư Thương mại và Du lịch Thanh Hóa giải quyết nhanh các thủ tục hành chính, tạo điều kiện thuận lợi để nhà đầu tư thực hiện dự án.

12. Ủy ban nhân dân các huyện Thọ Xuân, Triệu Sơn: Giải quyết yêu cầu của các Sở, ngành và kiến nghị của các nhà đầu tư.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và PTNT, Xây dựng, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Tài nguyên và Môi trường, Tài Chính, Chủ tịch UBND các huyện trong vùng quy hoạch; Thủ trưởng các ngành, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 QĐ (đề t/h);
- Thường trực: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh (đề b/c);
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh (đề b/c);
- Lưu: VT, NN.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Đức Quyền